

**DANH MỤC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ  
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH – CTCP  
PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP 2020, LUẬT CHỨNG KHOÁN 2019  
VÀ CÁC NGHỊ ĐỊNH, HƯỚNG DẪN, VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN**

**Ghi chú:**

- Các điều không nêu chi tiết trong Danh mục này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất thay đổi hoặc bỏ trong mục “Nội dung tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **màu vàng**
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Đề xuất sửa đổi, bổ sung” là nội dung **màu đỏ**.

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>Phần mở đầu:</p> <p>Điều lệ này được sửa đổi bổ sung theo Luật doanh nghiệp số <b>68/2014/QH13</b>, các văn bản Pháp luật liên quan và Nghị quyết số <b>02/NQ-ĐHĐCĐ</b>, ngày <b>08 tháng 01 năm 2019</b> của Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP.</p>	<p>Phần mở đầu:</p> <p>Điều lệ này được sửa đổi bổ sung theo Luật doanh nghiệp số <b>59/2020/QH14</b> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật Chứng khoán số <b>54/2019/QH14</b> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, các văn bản Pháp luật liên quan và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP thông qua ngày 19/8/2021.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Luật và thông tin phù hợp với thời gian sửa đổi Điều lệ</p>
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	<b>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	Điều lệ mẫu bổ sung thêm chương và theo Luật DN 2020
<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</b>	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</b>	
<p>a. "Vốn điều lệ" là tổng <b>giá trị</b> mệnh giá cổ phần đã bán hoặc <b>đã</b> được đăng ký mua khi thành lập Tổng công ty và quy định tại Điều 6 <b>của</b> Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <b>68/2014/QH13</b> được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11</p>	<p>a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Tổng công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số <b>59/2020/QH14</b> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ</p>	<p>Các thuật ngữ được điều chỉnh và bổ sung theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>năm 2014;</p> <p>c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</p> <p>e. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;</p> <p>h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p>	<p>nghe Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>e. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>h. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>i. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p>	<p>2020 , Luật chứng khoán 2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ – CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán</p>
	<p><b>Bổ sung một số thuật ngữ trong Điều lệ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;</li> <li>- “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Tổng công ty;</li> <li>- “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</li> </ul>	
<p><b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</b></p>	<p><b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY</b></p>	<p>Điều lệ mẫu bổ sung thêm chương và theo Luật DN 2020</p>
<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty</b></p>	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p>	<p>Khoản 8 Điều 2 DL mẫu có sửa đổi, bổ sung thêm câu và Luật DN 2020)</p>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 <b>Error! Reference source not found.</b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b>Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 <b>Điều 59</b> hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại <b>Điều 60</b> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</b>	<i>Điều lệ mẫu bổ sung thêm chương</i>
<b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>  Tổng công ty được phép <del>lập kế hoạch và</del> tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.	<b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty</b>  Tổng công ty được phép <b>tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (Trường hợp Tổng công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).</b>	<i>Sửa theo DL mẫu và Luật DN 2020</i>
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</b>	<b>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	<i>Điều lệ mẫu bổ sung thêm chương và theo Luật DN 2020</i>
<b>Điều 6. Vốn điều lệ, Cổ phần</b>	<b>Điều 6. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập</b> - Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.	Bổ sung nội dung theo <i>Điều 120 Luật DN</i>
<b>Điều 7. Chứng nhận Cổ phiếu</b> 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Tổng công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên	<b>Điều 7. Chứng nhận Cổ phiếu</b> 2. <b>Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh</b>	<i>Sửa theo Khoản 1 Điều Điều 120 Luật DN</i>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	ngành.	
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>	<b>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>	<i>Điều lệ mẫu bổ sung thêm chương</i>
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<i>Điều lệ mẫu bổ sung thêm chương</i>
<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình đã được thanh toán đầy đủ cho người khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 119 và Khoản 1 Điều 126 Luật doanh nghiệp;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p>	<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p><del>f. Tiếp cận thông tin về Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</del></p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, <b>sổ</b> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và <b>các</b> nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p><b>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</b></p> <p><del>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 27 và Khoản 4</del> <b>Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <b>Điều 114 và Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp;</p> <p><b>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải</p>	<p><del>cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</del></p> <p>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;</b></p> <p><b>h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p><b>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</b></p> <p><b>j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</b></p> <p><b>k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><b>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</b></p> <p><b>a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài</b></p>	<p>Bỏ quy định nắm giữ cổ phần liên tục từ 06 tháng trở lên do Điều 115 Luật DN không còn quy định nữa</p>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai</p>	<p>Xem xét bỏ quy định về đề cử các ứng viên HĐQT tại điểm a, theo Điều lệ mẫu hướng dẫn thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ</p>



Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
	<p>mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>phần phổ thông mới có quyền đề cử, Điều lệ TCT hiện nay là 5%</p>
<b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>7. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>- Bổ sung khoản 6 theo quy định tại Điều 119 Luật DN và Điều lệ mẫu</p>
<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có <b>thẩm quyền</b> cao nhất của Tổng công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. <b>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên</b> trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, <b>Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn,</b> nhưng không quá sáu (06 tháng), kể từ ngày kết thúc năm tài chính và Tổng công ty phải thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định.</p>	<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông <b>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất</b> của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần <b>và trong thời hạn bốn (04) tháng</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</b></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và theo Điều lệ mẫu</p>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. <b>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</b> Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày (60 ngày), kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);</p> <p>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại</p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	<p>ĐL mẫu sửa đổi, bổ sung và Luật DN 2020</p>



Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>Khoản 3 <b>Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <b>Điểm c Khoản 0 Error! Reference source not found.</b> này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và <b>Điểm e Khoản 0 Error! Reference source not found.</b> này; Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm <b>a Khoản Error! Reference source not found.</b> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban</p>	<p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại <b>điểm b khoản 3 Điều này</b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <b>điểm c và điểm d khoản 3 Điều này</b>;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm <b>a khoản 4 Điều này</b> thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản <b>3 Điều 140</b> Luật Doanh nghiệp;</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 5 Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 <b>Error! Reference source not found.</b> này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <b>Điểm d Khoản 0 Điều này</b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p>d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <b>điểm c khoản 3</b> Điều này có quyền <b>yêu cầu đại diện Tổng công ty</b> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại).</p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>khoản 5 Điều 140</b> Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p><b>Điều 15. Quyền và <b>nhiệm vụ</b> của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</b></p> <p><b>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</b></p> <p><b>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</b></p>	<p><b>Điều 15. Quyền và <b>nghĩa vụ</b> của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</b></p> <p><b>a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;</b></p> <p><b>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</b></p> <p><b>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị,</b></p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>d. Kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>a. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>c. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi</p>	<p>thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>Tổng công ty;</p> <p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;</p> <p>m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>n. Tổng công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>o. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>g. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ</p>	<p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35%</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p><b>đồng tại Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>h. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>i. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>j. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>e. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần <b>và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</b></p> <p>f. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;</p> <p>q. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>r. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;</p> <p>s. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>t. Tổng công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần</p>	<p>tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>phát hành;</p> <p>u. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.</p>		
<p><b>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</b></p>	<p><b>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p><b>Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Error! Reference source not found. Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p>	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p>	



Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, <b>danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</b></p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười <b>(10) ngày trước ngày</b> họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán <b>Hà Nội</b>, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <b>chậm nhất 21 ngày</b> trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p><b>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</b></p> <p><b>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong</b></p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <b>Khoản 3 Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty <b>ít nhất</b> ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <b>Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</b></p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 0 0 này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng <b>thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</b></p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ <b>ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</b> theo quy định tại <b>Khoản 0 Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này;</p>	<p>trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại <b>khoản 2 Điều 12 Điều lệ này</b> có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty <b>chậm nhất (03 ngày)</b> làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. <b>Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</b></p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng <b>quy định tại khoản 4 Điều này;</b></p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ <b>từ 5% cổ phần phổ thông trở lên</b> theo quy định tại <b>khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</b></p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
	d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	<i>Bổ sung theo Điều lệ mẫu</i>
<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>ít nhất 51%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp <b>không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</b> Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>ít nhất 33%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai <b>không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập</b> trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ</p>	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>trên 50%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường <b>hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn (30 ngày), kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.</b> Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>từ (33%)</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai <b>không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này</b> thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.		
<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đến sau khi cuộc họp</p>	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ</p>	<p><i>Sửa đổi bổ sung theo Điều lệ mẫu và LDN</i></p>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Trong trường hợp này Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>7. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng</p>	<p>phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng</p>	



Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p><del>12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 1 lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</del></p>	<p>cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
	<p>10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
<p><b>Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Định hướng phát triển Tổng công ty;</p> <p>b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>c. Thông qua báo cáo tài chính năm.</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.</p> <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của</p>	<p><b>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 21 này:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông</p>	<p><i>Thay đổi thuật ngữ theo Điều lệ mẫu</i></p>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>d. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>e. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty</p> <p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này;</p> <p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số</p>	<p>dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều này.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.</p> <p>4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.</p> <p>6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.</p> <p>6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.</p>	<p>bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p>	
<p><b>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p><b>Điều 23. <span style="color: red;">Nghị quyết</span>, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. i. <span style="color: red;">Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</span></p>	<p><i>Bổ sung thêm nội dung Nghị quyết</i></p>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p><b>Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. <b>Số lượng thành viên Hội đồng cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</b></p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <b>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</b></p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p style="padding-left: 40px;"><b>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</b></p> <p style="padding-left: 40px;"><b>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo quy định sau:</b></p> <p style="padding-left: 40px;"><b>a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường</b></p>	<p><i>Điều 26 Điều lệ mẫu, Điều 154, 155 Luật DN.</i></p>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
	<p>hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p>	



Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p><b>Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những người điều hành khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>j. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty ( <del>bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh</del> );	d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty;	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p><b>Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p>	<p><b>Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:</p>	
<p><b>Điều 31. <del>Các</del> cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p>	
<p><b>Điều 34. Người phụ trách quản trị Tổng công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p>	<p><b>Điều 34. Người phụ trách quản trị Tổng công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p><b>III. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY</b></p>	<p><b>CHƯƠNG III. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	
<p><b>Điều 36. Người điều hành Tổng công ty</b></p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p><b>Điều 36. Người điều hành Tổng công ty</b></p> <p>1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về</p>	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
	thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p><b>Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b></p> <p>3. a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 <b>Điều 18</b> Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b></p> <p>3. a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <b>Khoản 2 Điều 17</b> Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><i>Trích dẫn điều khoản mới của LDN</i></p>
<p><b>Điều 40. Kiểm soát viên</b></p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản <b>2 Điều 18</b> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp là người có chuyên môn về kế toán và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <b>Điều 164</b> Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 40. Thành phần Ban kiểm soát</b></p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản <b>2 Điều 17</b> Luật Doanh nghiệp;</p> <p><b>3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</b></p> <p>6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <b>Điều 169</b> Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><i>Trích dẫn điều khoản mới của LDN</i></p>
<p><b>Điều 41. Ban kiểm soát</b></p> <p>1. <b>Tổng công ty phải có Ban kiểm soát</b> và Ban kiểm soát có</p>	<p><b>Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p> <p>Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại</p>	<p><i>Theo Điều lệ mẫu và Luật DN</i> <i>Trích dẫn điều</i></p>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <b>Điều 165</b> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;</p>	<p><b>Điều 170</b> Luật Doanh nghiệp và các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p><i>khoản mới của LDN</i></p>



Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	<b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	
<p><b>Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 điều 27 và Khoản 2 <b>Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p><b>Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.</p>	<p><i>Theo Điều lệ mẫu và Luật DN</i></p>
<p><b>XII. CON DẤU</b></p> <p><b>Điều 54. Con dấu</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty. Con dấu được khắc theo quy định của luật pháp, nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</p>	<p><b>CHƯƠNG XII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</b></p> <p><b>Điều 54. Dấu của doanh nghiệp</b></p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	<p><i>Theo Điều lệ mẫu và Luật DN</i></p>

Nội dung điều lệ hiện hành (08/01/2019)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Giải thích
<p>a. Tên doanh nghiệp;</p> <p>b. Mã số doanh nghiệp.</p> <p>2. Trước khi sử dụng, Tổng công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).</p> <p>3. Trước khi sử dụng, Tổng công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>4. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	